

Số: 19/2024/QĐST- HNGĐ

Mường Tè, ngày 02 tháng 8 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 35/2024/TLST- HNGĐ, ngày 05 tháng 7 năm 2024 giữa:

- **Nguyên đơn:** Anh **Sùng A L**, sinh năm 1998.

Địa chỉ: **Bản N, xã T, huyện M, tỉnh Lai Châu**

Nghề nghiệp: Tự do

- **Bị đơn:** Chị **Thào Thị S**, sinh năm 2000.

Địa chỉ: **Bản N, xã T, huyện M, tỉnh Lai Châu**

Nghề nghiệp: Tự do

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 1, khoản 5 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 7 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh **Sùng A L** và chị **Thào Thị S**
- Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh **Sùng A L** và chị **Thào Thị S** thỏa thuận, nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh **Sùng A L** và chị **Thào Thị S** có 02 con chung, anh **L** và chị **S** thỏa thuận nhất trí anh **L** là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các **Sùng Thị M** - sinh ngày 29/11/2017 và cháu **Sùng Thị Minh N** - sinh ngày 12/10/2020 cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị **S** được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở, trừ việc lợi dụng việc thăm nom con gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh **Sùng A L** và chị **Thào Thị S** thỏa thuận, nhất trí chị **S** không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

2.4. Về tài sản chung: Anh **Sùng A L** và chị **Thào Thị S** không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

2.5. Về nợ chung: Anh **Sùng A L** và chị **Thào Thị S** thỏa thuận thống nhất không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết

2.6. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 1, khoản 5 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Anh **L** và chị **S** là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm. Anh **Sùng A L** và chị **Thào Thị S** được miễn án phí Dân sự sơ thẩm

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện Mường Tè;
- THADS huyện Mường Tè;
- UBND xã Tà Tổng;
- Lưu HSVA.

**THÂM PHÁN**

**Vũ Văn Bình**